



CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Trụ sở chính: 30 Lê Vĩnh Hòa, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Nhà máy: Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, Đường Quốc Lộ N2, ấp 3, Xã Tân Long, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An.

**PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
DUNG DỊCH RỬA TAY DƯỠNG DA WINDY
SỐ: 0430/22/CBMP-LA**

PHÂN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)
Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged): 24/01/2022
Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No): 0430/22/CBMA
Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.
Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Minh Đức
Huyện Minh Phúc

b Đánh dấu vào ô thích hợp (*Tick where applicable*)

THÔNG TIN SẢN PHẨM

PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product):

1.1. Nhân hàng (Brand)

[illegible]

1.2. Tên sản phẩm (Product Name)

[illegible]

1.3. Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

- ☐
- Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân,)

Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)

- ☐ Mất na (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học)

Face masks (with the exception of chemical peeling products)

- ☐ Chất phủ màu (lông, nhão, bột)

Tinted bases (liquids, pastes, powders)

- ☐ Phần trang điểm, phần dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,....

Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.

- ☐ Xả phòng rửa tay, xả phòng khử mùi,.....

Toilet soaps, deodorant soaps, etc



☒ Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,....

Perfumes, toilet waters and eau de Cologne

☐ Sản phẩm để tắm (muối, sữa, xà phòng, dầu, gel,....)

Bath or shower preparations (salts, lotions, foams, soaps, oils, gels, etc)

☐ Sản phẩm tẩy lông

Depilatories

☒ Sản phẩm khử mùi và chống mùi (giảm mùi mồ hôi)

Deodorants and anti-perspirants

☐ Sản phẩm chăm sóc tóc (Đề nghị đánh dấu vào dạng sản phẩm cụ thể bên dưới)

Hair care products (Please stick on specific product type below)

☐ Nhuộm và tẩy màu tóc

Hair tints and bleaches

☐ Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc

Products for waving, straightening and fixing

☐ Các sản phẩm định dạng tóc

Setting products

☐ Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)

Cleansing products (lotions, powders, shampoos)

☐ Sản phẩm dưỡng tóc (sữa, kem, dầu)

Conditioning products (lotions, creams, oils)

☐ Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp)

Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)

☐ Sản phẩm dùng cho cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,....)

Shaving product (creams, foams, lotions, etc)

☐ Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt

Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes

☐ Sản phẩm dùng cho môi

Products intended for application to the lips

☐ Sản phẩm chăm sóc răng và miệng

Products for care of the teeth and the mouth

☐ Sản phẩm dùng để chăm sóc và trang điểm cho móng tay, móng chân

Products for nail care and make-up

☐ Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài

Products for external intimate hygiene

☐ Sản phẩm chống nắng

Sunbathing products

☐ Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng

Products for tanning without sun

☐ Sản phẩm làm trắng da

Skin whitening products

☐ Sản phẩm chống nhăn da

☐ Sản phẩm khác (đề nghị ghi rõ)

Others (please specify)

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

- Làm mềm da tay.
- Dưỡng ẩm da.
- Tạo ra mùi thơm.

4. Dạng trình bày (Product presentation(s))

- ☒ Dạng đơn lẻ (Single product)
- ☐ Một nhóm các màu (Arange of colours)
- ☐ Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range of one product type)
- ☐ Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)
- ☐ Các dạng khác (đề nghị ghi rõ). Others (please specify)

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY SẢN XUẤT/ĐÓNG GÓI/XUẤT KHẨU

PARTICULARS OF MANUFACTURER(S)/ASSEMBLER(S)/EXPORTER

5. Tên công ty sản xuất (Name of manufacturer) (Liệt kê tất cả các công ty sản xuất, trong trường hợp nhiều công ty tham gia vào quá trình chế biến sản phẩm)

C	H	I		N	H	Á	N	H		C	Ô	N	G		T	Y		T	N	H	H		T	H	Ư	Ơ	N	G
M	À	I		S	Á	N		X	U	Á	T		P	U	R	E												

Địa chỉ công ty sản xuất (Nước sản xuất) (Address of manufacturer (state country)):

Đ	U	Ờ	N	G		Q	U	Ó	C		L	Ộ		N	2	,		Á	P		I	,		X	Ã		T	Â	N
L	O	N	G	,		H	U	Y	Ệ	N		T	H	Ú		T	H	Ủ	A	,		T	Ỉ	N	H				
L	O	N	G		A	N	,		V	I	Ệ	T		N	A	M													
Country											V	I	Ệ	T		N	A	M											

Tel: Fax:

6. Tên công ty đóng gói (Đề nghị đánh dấu vào mục thích hợp. Có thể đánh dấu nhiều hơn 01 ô) (Name of assembler (Please tick accordingly. May tick more than one box)):

- ☒ Đóng gói chính ☒ Đóng gói thứ cấp
- Primary assembler Secondary assembler

C	H	I		N	H	Á	N	H		C	Ô	N	G		T	Y		T	N	H	H		T	H	Ư	Ơ	N	G
M	À	I		S	Á	N		X	U	Á	T		P	U	R	E												

Địa chỉ của công ty đóng gói (Address of assembler (state country)):

Đ	U	Ờ	N	G		Q	U	Ó	C		L	Ộ		N	2	,		Á	P		I	,		X	Ã		T	Â	N
L	O	N	G	,		H	U	Y	Ệ	N		T	H	Ú		T	H	Ủ	A	,		T	Ỉ	N	H				

PARTICULARS OF IMPORTER

[illegible][illegible][illegible]

PRODUCT INGREDIENT LIST

☒ Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ lục II đến Phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục.

☒ Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.

Danh sách thành phần đầy đủ (Product full ingredient list)

No	Tên đầy đủ thành phần (tên danh pháp quốc tế hoặc tên khoa học chuẩn đã được công nhận) <i>Full Ingredient name (use IUPAC or approved nomenclature in standard references)</i>	Tỉ lệ % của các chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng <i>(Percentage of restricted ingredients)</i>	Ghi chú
1	Ethanol	50,0 %	
2	Chlorhexidine Digluconate	0,1 %	
3	O-Cymen-5-ol	0,1 %	
4	Tá dược	Vừa đủ 100,0 %	
5			
6			
7			

I understand that I cannot place reliance on the acceptance of my product without the authority or any legal proceedings concerning my product, or the extent that my product has (failed to conform to any of the standards or specifications that must previously be found in the authority).

For the purpose of the above, the signature must be the following:

(Name and Signature of person representing the local company)



Page 2/2



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR TP. HCM

VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA XÉT NGHIỆM Y - SINH HỌC LÂM SÀNG & DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT

167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84.28) 38.297.308 – 38.230.352 – Fax : (84.28) 38.231.419



VILAS 209

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số: 291221-4930

Tên khách hàng : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT PURE
Địa chỉ : ĐƯỜNG QUỐC LỘ N2, ẤP 1, XÃ TÂN LONG, HUYỆN THỦ THỪA, LONG AN
Tên mẫu : DUNG DỊCH KHỬ KHUẨN WINDY
Ngày nhận mẫu : 29/12/2021
Thời gian thử nghiệm : 29/12/2021 đến 02/01/2022
Tình trạng mẫu : MẪU DẠNG LỎNG TRONG 1 CHAI NHỰA 50ML, KHÔNG NHÃN
– KHÁCH HÀNG TỰ MANG ĐẾN
Số lượng mẫu : 01 chai, không có mẫu lưu
Thời gian lưu mẫu : Không có
Vi sinh vật thử nghiệm : *Staphylococcus aureus* ATCC 25923
Escherichia coli ATCC 25922
Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853
Bào tử Bacillus subtilis ATCC 11774
Nồng độ mẫu thử nghiệm : Dung dịch nguyên chất
Thời gian tiếp xúc VSV : 01 phút
Thời gian nuôi cấy : 48 giờ
Môi trường thử nghiệm : Baird Parker, EMB, Cetrimide, TSA
Phương pháp thử nghiệm : IP HCM V04:2017
(REF. BS EN 1040, BS EN 1500, ASTM E1054, ASTM E2315, BS EN 14347, BS EN 13727)



1. Dấu (*) là chỉ tiêu được VILAS công nhận.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur TP. HCM.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4. Mẫu kiểm nghiệm vi sinh và mẫu nước kiểm nghiệm lý hóa không lưu mẫu. Mẫu thực phẩm kiểm nghiệm lý hóa lưu mẫu 3 ngày sau khi trả kết quả kiểm nghiệm.



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR TP. HCM

VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHOA XÉT NGHIỆM Y - SINH HỌC LÂM SÀNG & DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT

167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : (84.28) 38.297.308 – 38.230.352 – Fax : (84.28) 38.231.419



VILAS 209

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số: 291221-4930

KẾT QUẢ

VI SINH VẬT THỬ NGHIỆM	NỒNG ĐỘ VI SINH VẬT THỬ NGHIỆM (CFU/ml)	SAU KHI TIẾP XÚC 01 PHÚT	
		VSV CÒN SỐNG (CFU/ml)	TỶ LỆ DIỆT KHUẨN (%)
<i>Staphylococcus aureus</i>	$5,2 \times 10^6$	<1 (không phát hiện)	99,99
<i>Escherichia coli</i>	$4,3 \times 10^6$	<1 (không phát hiện)	99,99
<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	$2,4 \times 10^6$	<1 (không phát hiện)	99,99
Bào tử <i>Bacillus subtilis</i>	$2,7 \times 10^6$	110.000	95,93

GHI CHÚ:

- Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử mang mã số 291221-4930 do khách hàng gửi đến.
- Kết quả này không phải là giấy chứng nhận sản phẩm nên không sử dụng cho mục đích quảng cáo.
- Các chỉ tiêu thử nghiệm được thực hiện trên mô hình phòng thí nghiệm.

LAB. VI SINH THỰC PHẨM

Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính

Số chứng thư 014388 Quyền số SCT/BS
Ngày 11-03-2022

Công chứng viên Văn Phòng Công Chứng Tân Phú



TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2022

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Ngọc Anh Tuấn



- Dấu (*) là chỉ tiêu được VILAS công nhận.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur TP. HCM.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Mẫu kiểm nghiệm vi sinh và mẫu nước kiểm nghiệm lý hóa không lưu mẫu. Mẫu thực phẩm kiểm nghiệm lý hóa lưu mẫu 3 ngày sau khi trả kết quả kiểm nghiệm.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 13/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ
Based on the Decree No 74/2018/ND-CP dated 13/5/2018 of the Government and the Decree No 13/2022/ND-CP dated 21/01/2022 of the Government

CHỨNG NHẬN

Certifying

CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL
PURE GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ 243 Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address

được quyền sử dụng mã số sau đây:
to have right of using the following

Mã doanh nghiệp GS1
GS1 Company Prefix

893612915

Ngày hết hiệu lực:
Period of validation

07/3/2026

Số giấy chứng nhận: N027559
Registered No
Số đăng ký: 114/17
Reference No

Hà Nội, 07/3/2023
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR GENERAL



Nguyễn Hoàng Linh

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Chủ đơn dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét
đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu*

ĐẤU NHẬN ĐƠN

(Dành cho cán bộ nhận đơn)

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIET NAM

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP.HCM

NGÀY
DATE

11-05-2020

SỐ ĐƠN
Apl.N

4-2020-15783

**NH**
☐ Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số:

Ngày nộp đơn.

①

NHÃN HIỆUMẫu nhãn hiệuLoại nhãn hiệu yêu cầu đăng ký

- ☐ Nhãn hiệu tập thể
☐ Nhãn hiệu liên kết
☐ Nhãn hiệu chứng nhận

Mô tả nhãn hiệu:

Màu sắc: Xanh, vàng, trắng.

Mô tả: Nhãn hiệu xin được bảo hộ tổng thể như hình bên.

Nhãn hiệu xin được bảo hộ tổng thể như hình bên.

②

CHỦ ĐƠN

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu)

Tên đầy đủ: Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Pure

Địa chỉ: 158/7/30 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 683 383

Fax:

Email: congybanquyen@gmail.com
☐ Ngoài chủ đơn khai tại mục này còn có những chủ đơn khác khai tại trang bổ sung

③

ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN
☒ là người đại diện theo pháp luật của chủ đơn

☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của chủ đơn

Mã đại diện:

☐ là người khác được uỷ quyền của chủ đơn

Tên đầy đủ: NGUYỄN QUỐC VŨ

Địa chỉ: 158/7/30 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0903 0123 15

Fax:

Email:

Chú thích:

* Trong Tờ khai này, chủ đơn/đại diện của chủ đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

-1-

④ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN

NGUYỄN QUỐC VŨ

④ - YÊU CẦU HƯỞNG QUYỀN ƯU TIÊN	CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGÀY ƯU TIÊN		
☐ Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam ☐ Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris ☐ Theo thoả thuận khác:	Số đơn	Ngày nộp đơn	Nước nộp đơn
⑤ PHÍ, LỆ PHÍ			
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền	
☐ Lệ phí nộp đơn	đơn		
☐ Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu	 nhóm		
☐ Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)	 sản phẩm/dịch vụ		
☐ Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên	 yêu cầu/đơn ưu tiên		
☐ Phí công bố đơn	đơn		
☐ Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn	 nhóm		
☐ Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)	 sản phẩm/dịch vụ		
☐ Phí thẩm định đơn	nhóm		
☐ Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)	 sản phẩm/dịch vụ		
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:			
Số chứng từ (trường hợp nộp qua bưu điện hoặc chuyển khoản):			

⑨ CHỦ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN



NGUYỄN QUỐC VŨ

⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn)
Tài liệu tối thiểu:	
☐ Tờ khai, gồm...trang x ...bản (có danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu)	☐
☐ Mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu	☐
☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ)	☐
Tài liệu khác:	
☐ Giấy uỷ quyền bằng tiếng ☐ bản gốc	☐ ☐
☐ bản sao (☐ bản gốc sẽ nộp sau ☐ bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	☐ ☐ ☐
☐ bản dịch tiếng Việt, gồm trang	☐
☐ Tài liệu xác nhận được phép sử dụng các dấu hiệu đặc biệt (biểu tượng, cờ, huy hiệu, con dấu...), gồm.....trang	☐
☐ Tài liệu xác nhận quyền đăng ký nhãn hiệu	☐
☐ Tài liệu xác nhận thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác	☐
☐ Quy chế sử dụng NH tập thể/chứng nhận, gồm.....trang xbản	☐
☐ Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên	☐
☐ Bản sao đơn đầu tiên, gồm.....bản	☐
☐ Bản dịch tiếng Việt, gồm.....bản	☐
☐ Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên	☐
☐ Bản đồ khu vực địa lý	☐
☐ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương	☐
☐ Có tài liệu bổ trợ khai tại trang bổ sung	☐

Cán bộ nhận đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

7

DANH MỤC VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU**

(Ghi tuần tự từng nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ; sử dụng dấu ";" giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm/dịch vụ trong nhóm đó)

Nhóm 03 : Tinh dầu: mỹ phẩm; chất tẩy rửa;

Nhóm 05 : Dầu tràm;

Nhóm 30 : Tinh dầu dùng trong thực phẩm;

Nhóm 24 : Khẩu trang vải;

Nhóm 25 : Khẩu trang (trang phục);

8

MÔ TẢ TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
(đối với nhãn hiệu chứng nhận)

☐ Nguồn gốc địa lý:

☐ Chất lượng:

☐ Đặc tính khác:

9

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2020

Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn

(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Chữ ký



NGUYỄN QUỐC VŨ

**Chú thích: Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.

UBND TỈNH LONG AN
SỞ Y TẾ

Số: 013/2020/ĐĐKSXMP-LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT MỸ PHẨM

Điều chỉnh lần thứ 1: ngày 01 tháng 03 năm 2023, lý do điều chỉnh: thay đổi tên của cơ sở sản xuất.

- Chứng nhận lần đầu ngày: 15 tháng 10 năm 2020.
- Căn cứ Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm;
 - Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
 - Căn cứ Quyết định số 55/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2022 của UBND tỉnh Long An Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Long An;
 - Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ,

SỞ Y TẾ TỈNH LONG AN CHỨNG NHẬN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Địa chỉ: Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, đường Quốc lộ N2, ấp 3, xã Tân Long, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm

Dây chuyền sản xuất bao gồm: Dây chuyền sản xuất sản phẩm dạng ướ, Dây chuyền đóng gói sản phẩm

Long An, ngày 01 tháng 03 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Phúc

Ban hành kèm theo Quyết định số: 1425/QĐ-SYT ngày 01/03/2023.

SỞ Y TẾ LONG AN
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 198/2020/ATTP-CNĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Chủ cơ sở: **NGUYỄN QUỐC VŨ.**

Tên cơ sở: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT PURE.**

Địa chỉ: **Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, đường Quốc lộ N2, ấp 3, xã Tân Long,
huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH
SẢN XUẤT TINH DẦU, NƯỚC THƠM DÙNG CHO THỰC PHẨM**

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KÊ TỪ NGÀY KÝ

Long An, ngày 18 tháng 11 năm 2020

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Đoàn Thanh Chiến

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0313991052-001

Đăng ký lần đầu, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 14 tháng 02 năm 2023

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 13, Đường Quốc Lộ N2, Ấp 3, Xã Tân Long, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0903 015 315

Fax:

Email: sale@dautramconyeu.com

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VŨ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056084000187

Ngày cấp: 29/08/2019

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành
Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 12 Đường 591, tổ 1, Khu phố 5, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 158/7/30 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN PURE GLOBAL

Mã số doanh nghiệp: 0313991052

Địa chỉ trụ sở chính: 243 Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỈNH LONG AN

Phan Thành Kiệt